

EU đề xuất dự thảo Quy định cập nhật MRL đối với các chất thuộc nhóm dithiocarbamate

Ủy ban Châu Âu thông báo dự thảo Sửa đổi Phụ lục II và III của quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan tới mức dư lượng tối đa đối với nhóm thuốc trừ nấm dithiocarbamate (maneb, mancozeb, metiram, propineb, thiram và ziram) dựa trên chuyển đổi các chất đó thành carbon disulfide (CS₂) (thông báo kèm theo), cụ thể:

Dư lượng thuốc trừ nấm và mức dư lượng tối đa (mg/kg)

Mã sản phẩm	Các nhóm và sản phẩm áp dụng MRL (a)	Dithiocarbamates dưới dạng carbon disulfide (CS₂)
0110010	Bưởi	0,4
0110020	Cam	2 (+)
0110030	Chanh	0,4
0110050	Quýt	10 (+)
0140040	Mận	0,9 (+)
0162030	Chanh dây	1,5 (+)
0163010	Quả bơ	0,1
0163020	Chuối	2 (+)
0163030	Xoài	0,6 (+)
0163040	Đu đủ	0,1
0163070	Ổi	0,01
0163080	Dứa	1,5 (+)
0163100	Sầu riêng	0,01
0163110	Mãng cầu	0,01
0213010	Củ cải đường	0,4
0213020	Cà rốt	1 (+)
0213030	Cần tây	0,1
0213070	Rễ mùi tây	0,1
0220010	Tỏi	0,5 (+)
0220030	Hành tím	0,7
0231020	Ớt chuông	1 (+)
0231040	Đậu bắp	0,1
0232010	Dưa chuột	2 (+)
0232030	Bí ngòi	1 (+)
0233010	Dưa	0,5 (+)
0233020	Bí ngô	0,4
0233030	Dưa hấu	1 (+)
0241010	Súp lơ xanh	1,5
0241020	Súp lơ	1,5
0251080	Rau mầm	1
0256010	Rau mùi tây	0,1
0256010	He	0,7
0256080	Húng quế	0,1
0256090	Lá nguyệt quế	0,1
0260010	Đậu có vỏ	2 (+)
0260020	Đậu không vỏ	0,1
0260030	Đậu Hà Lan có vỏ	3 (+)
0260040	Đậu Hà Lan không vỏ	0,1
0260050	Đậu lăng	0,1
0270040	Cây thì là	0,1
0270050	Atiso đỏ	0,1
0280010	Nấm nuôi	0,1
0401010	Hạt lanh	0,1
0401020	Hạt lạc	0,1 (+)
0401040	Hạt vừng	0,05

Mã sản phẩm	Các nhóm và sản phẩm áp dụng MRL (a)	Dithiocarbamates dưới dạng carbon disulfide (CS₂)
0110010	Bưởi	0,4
0110020	Cam	2 (+)
0110030	Chanh	0,4
0110050	Quýt	10 (+)
0140040	Mận	0,9 (+)
0162030	Chanh dây	1,5 (+)
0163010	Quả bơ	0,1
0163020	Chuối	2 (+)
0163030	Xoài	0,6 (+)
0163040	Đu đủ	0,1
0163070	Ổi	0,01
0163080	Dứa	1,5 (+)
0163100	Sầu riêng	0,01
0163110	Mãng cầu	0,01
0213010	Củ cải đường	0,4
0213020	Cà rốt	1 (+)
0213030	Cần tây	0,1
0213070	Rễ mùi tây	0,1
0220010	Tỏi	0,5 (+)
0220030	Hành tím	0,7
0231020	Ớt chuông	1 (+)
0231040	Đậu bắp	0,1
0232010	Dưa chuột	2 (+)
0232030	Bí ngòi	1 (+)
0233010	Dưa	0,5 (+)
0233020	Bí ngô	0,4
0233030	Dưa hấu	1 (+)
0241010	Súp lơ xanh	1,5
0241020	Súp lơ	1,5
0251080	Rau mầm	1
0256010	Rau mùi tây	0,1
0256010	Hẹ	0,7
0256080	Húng quế	0,1
0256090	Lá nguyệt quế	0,1
0260010	Đậu có vỏ	2 (+)
0260020	Đậu không vỏ	0,1
0260030	Đậu Hà Lan có vỏ	3 (+)
0260040	Đậu Hà Lan không vỏ	0,1
0260050	Đậu lăng	0,1
0270040	Cây thì là	0,1
0270050	Atiso đỏ	0,1
0280010	Nấm nuôi	0,1
0401010	Hạt lanh	0,1
0401020	Hạt lạc	0,1 (+)
0401040	Hạt vừng	0,05

Nguồn: WTO.org

EU – thị trường xuất khẩu hàng nông sản lớn và quan trọng của Việt Nam

Là thị trường xuất khẩu hàng nông sản lớn và quan trọng của Việt Nam, nhưng yêu cầu về chất lượng sản phẩm cũng như sự cạnh tranh tại thị trường này ngày càng cao, đòi hỏi doanh nghiệp xuất khẩu phải thích ứng hiệu quả.

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2024, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2023, trừ xuất khẩu chè và hạt tiêu giảm. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản sang EU tăng, trừ xuất khẩu gạo giảm.

**Tình hình xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Việt Nam sang EU
tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024**

Mặt hàng	Tháng 7/2024		So với tháng 7/2023 (%)		7 tháng đầu năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Hàng rau quả		20.406		3,9		145.601		4,8
Hạt điều	14.268	86.726	11,7	22,1	81.614	455.284	24,5	21,4
Cà phê	27.345	135.591	-33,5	22,8	381.699	1.368.916	-10,7	39,0
Hạt tiêu	3.920	24.543	50,5	121,5	26.924	136.741	58,1	97,7
Chè	77	117	-24,5	-43,0	441	1.074	18,9	19,8
Gạo	1.529	1.275	-67,9	-59,2	18.764	15.085	-30,4	-14,5

Nguồn : Tổng cục Hải quan

Cà phê là mặt hàng nông sản xuất khẩu sang thị trường EU có kim ngạch cao nhất, đạt 135,6 triệu USD trong tháng 7/2024 với 27,3 nghìn tấn, tăng 22,8% về lượng, nhưng giảm 33,5% về trị giá. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang EU đạt 381,7 nghìn tấn, trị giá 1,37 tỷ USD, giảm 10,7% về lượng, nhưng tăng 39% về trị giá.

Theo thống kê từ Liên đoàn Cà phê châu Âu, EU là thị trường có mức tiêu thụ cà phê

bình quân đầu người cao nhất thế giới. Quy mô thị trường cà phê châu Âu dự tính đạt 47,88 tỷ USD vào năm 2024 và dự báo sẽ đạt 58,14 tỷ USD vào năm 2029, tăng trưởng bình quân 3,96% trong giai đoạn 2024-2029. Do đó, đây sẽ tiếp tục là thị trường cà phê lớn và nhiều tiềm năng của Việt Nam

Hạt điều là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn thứ hai trong số các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang EU. Xuất khẩu hạt điều sang EU tháng 7/2024 đạt 14,3 nghìn tấn, trị giá 86,7 triệu USD, tăng 11,7% về lượng và tăng 22,1% về trị giá so với tháng 7/2023. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt điều sang EU đạt 81,6 nghìn tấn, trị giá 455,3 triệu USD, tăng 24,5% về lượng và tăng 21,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. EU là thị trường xuất khẩu hạt điều lớn thứ hai của Việt Nam (sau Hoa Kỳ). Trong số các thị trường thành viên EU, hạt điều được xuất chủ yếu sang 2 nước: Hà Lan và Đức.

Các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang thị trường EU lớn tiếp theo trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024 gồm hạt tiêu, rau quả, gạo và chè.

Danh mục thuốc bảo vệ thực vật nhóm thuốc trừ nấm được sử dụng từ Việt Nam

Tại Việt Nam, nhóm thuốc trừ nấm dithiocarbamate (maneb, mancozeb, metiram, propineb, thiram và ziram) được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với các thương phẩm sau:

Danh mục thuốc bảo vệ thực vật nhóm thuốc trừ nấm dithiocarbamate (maneb, mancozeb, metiram, propineb, thiram và ziram) được phép sử dụng tại Việt Nam

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

HOẠT CHẤT/TUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
Azoxystrobin 50 g/ kg + Mancozeb 700 g/kg	Fineluck 750WG	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Azoxystrobin 7%+ Mancozeb 40%	Helan 47OS	thán thư/xoài	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An
Metiram Complex (min 85%)	Polyram 80WG	chạy dây/ dưa chuột; đốm vòng/ cà chua; sương mai/ vải thiều, dưa hấu; thán thư/ hồ tiêu, xoài; thối quả/ nhãn; lúa von/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
Metiram complex 650g/kg + Thiamethoxam 150g/kg	Biwonusa 800WP	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Azoxystrobin 1g/l (130g/l), (100g/kg) (200g/kg) + Propineb 10g/l (10g/l), (300g/kg) (10g/kg) + Tebuconazole 260g/l (200g/l), (100g/kg) (550g/kg)	Amisupertop 271EW, 340SC, 500WP, 760WG	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Chlorothalonil 200g/kg + Propineb 600g/kg	Dr.Green 800WP	thán thư/ xoài, sươngmai/ dưa hấu	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
Cymoxanil 60g/kg + Propineb 640g/kg	Antramix 700WP	khô vằn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
Cymoxanil 60 g/kg + Propineb 700g/kg	Tracomix 760WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
Cymoxanil 8%+ Propineb 70%	Rudy 78WP	sương mai/ khoai tây, thán thư/ điều	Công ty CP Cửu Long
Hexaconazole 62 g/kg + Propineb 615 g/kg	Shut 677WP	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt, nấm hồng/ cà phê; phấn trắng, nấm hồng, vàng rụng lá/ cao su; đốm nâu/ thanh long; thán thư/ điều	Công ty TNHH ADC
Isoprothiolane 10.5g/l (421g/l) (10g/kg) + Propineb 4.5g/l (5g/l) (150g/kg) + Tricyclazole 400g/l (5g/l), (55g/kg)	Eifelgold 415SC, 431EC, 215WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Iprovalicarb (min 95%) 55g/kg + Propineb 612.5g/kg	Interest 667.5WP	thán thư/xoài; giả sương mai/ dưa chuột; mốc sương/ nho	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
	Melody duo 66.75WP	mốc sương/ nho, dưa hấu, cà chua, dâu tây; sương mai/ hành, hoa hồng, rau cải; thán thư/ ớt; sương mai, thán thư/ vải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
Kresoxim-methyl 10%+ Propineb 50%	Omega-downy rot 60WG	rỉ sắt/ cà phê, đốm lá/ đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
Prochloraz 255g/l, (309.9g/l), (10g/kg), 250g/kg + Propineb 10g/l, (0.1g/l), (705g/kg), 500g/kg	Forlione 265EW, 310EC, 715WP, 750WG	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

Ngày 28/02/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 165/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030. Đề án đặt mục tiêu tái cơ cấu ngành Công Thương nhằm thực hiện chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh; Tạo lập các động lực tăng trưởng mới gắn với chuyển biến về chất mô hình tăng trưởng của ngành Công Thương cùng một mô hình quản trị nhà nước năng động, hiệu quả, hiện đại và có tính thích ứng cao để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững;

Một trong những định hướng chiến lược của Đề án là nâng cao khả năng đáp ứng quy định, tiêu chuẩn cao về chất lượng của các thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các bon thấp, lao động và công đoàn.